TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 5 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2025/HS-ST
Ngày: 02-4-2025

NHÂN DANH
NƯ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 5 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Lâm Thanh Tiền

Các hội thẩm nhân dân:

Ông Lâm Văn Vô

Bà Huỳnh Thị Kim Oanh

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Anh Thư– Thư ký Tòa án nhân dân Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 19/2025/TLST-HS ngày 24 tháng 01 năm 2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 38/2025/QĐXXST-HS ngày 18 tháng 3 năm 2025 đối với bị cáo:

Thạch Thị Ư, sinh ngày 01 tháng 01 năm 1987 tại: Trà Vinh; giới tính: Nữ; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp GL B, xã ĐA, huyện TC, tỉnh Trà Vinh; Chỗ ở: Không nơi ở nhất định; Nghề nghiệp: Không; Học vấn: 05/12; dân tộc: Khơme; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Thạch Văn S; con bà: Trần Thị U; Chưa có chồng, con; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 08/8/2024 (có mặt tại phiên tòa).

Bị hại: Bà Vương Thị Tuyết A, sinh năm 2000; Nơi cư trú: 62 TTK, Phường E, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

Bà Mai Huỳnh Tuyết N, sinh năm 1997; Nơi cư trú: 20/20G MC, Phường O, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Thạch Thị Ư chung sống cùng ông Trịnh Ngọc K, là anh của bà Vương Thị Tuyết A tại nhà số 62 lầu 5, đường TTK, Phường E, Quận E từ ngày 28/7/2024. Vào sáng ngày 30/7/2024, trong lúc làm việc nhà thì Ư phát hiện một

túi bằng nhựa có dây kéo nằm trong tủ quần áo cá nhân của bà Tuyết A, bên trong có 40 tờ tiền USD, mệnh giá 100 USD mỗi tờ, tương đương 4000 USD. Ư lén lút trộm cắp túi tiền trên, đến khoảng 14 giờ 30 cùng ngày, Ư đến khu vực Chợ Hòa B đổi 17 tờ tiền 100 USD (tức 1700 USD) tại 02 tiệm vàng Kim D và Kim Y được tổng cộng 23.240.000 đồng, 01 (một) chiếc lắc tay, 01 (một) đôi bông tai.

Số tiền còn lại khoảng 2300 USD, Ư tiếp tục cất giữ. Đến ngày 31/7/2024, bà Tuyết A phát hiện việc bị mất trộm tài sản và trình báo đến Công an Phường 5, Quận 5. Vụ việc sau đó được chuyển đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 5 thụ lý giải quyết theo thẩm quyền.

Quá trình điều tra, bà Mai Huỳnh Tuyết N trình bày: Bị cáo Thạch Thị Ư có đến tiệm vàng Kim D để đổi 600 đô la Mỹ sang tiền Việt Nam, Như thấy vậy nên đã bỏ tiền cá nhân là 15.240.000 đồng để đổi với Ư nhằm mục tích trữ tiền đô la Mỹ để mua các mặt hàng ngoại nhập, N không có hỏi nguồn gốc số tiền của Ư có được từ đâu và cũng không thông báo cho chủ tiệm vàng Kim D biết, việc đổi tiền là do cá nhân N tự ý đổi không liên quan đến tiệm Vàng, N đã tự nguyện nộp lại số tiền 600 đô la Mỹ cho Cơ quan điều tra để thu hồi trả lại cho bị hại.

Bà Đô Thị Ngọc Y là chủ doanh nghiệp tư nhân kinh doanh tiệm vàng Kim Y trình bày: Bà Y thường xuyên có mặt ở tiệm vàng, bà không cho phép nhân viên đổi ngoại tệ và cũng chưa từng đổi ngoại tệ cho Thạch Thị Ư cũng như bán trang sức cho Ư. Cơ quan Cảnh sát điều tra cho tiến hành đối chất kết quả các bên giữ nguyên lời trình bày.

Vật chứng vụ án: 29 (hai mươi chín) tờ tiền USD, mệnh giá 100 USD mỗi tờ, tương đương 2900 USD và tiền Ngân hàng nhà nước Việt Nam 20.071.000 đồng; 01 (một) lắc tay vàng (không thu hồi được); 01 (một) đôi bông tai bằng kim loại màu vàng (qua giám định có hàm lượng vàng là 0%); 01 (một) sợi dây chuyền (qua giám định có hàm lượng vàng là 0%); 02 (hai) nhẫn kim loại tròn (qua giám định có hàm lượng vàng là 0%); 01 (một) căn cước công dân tên Thạch Thị Ư.

Về trách nhiệm dân sự: Bà Vương Thị Tuyết A yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại với số tiền 7.258.000 đồng. Bà Mai Huỳnh Tuyết N không có yêu cầu gì đối với bị cáo Thạch Thị Ư.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 103/KL-HĐĐGTS ngày 05/11/2024 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong Tố tụng hình sự thuộc Ủy ban nhân dân Quận 5, kết luận: Tiền USD: 4000 Đô la Mỹ, đã qua sử dụng có trị giá 100.360.000 đồng.

Tiến hành giám định số trang sức thu giữ từ Ư tại Công ty vàng bạc đá quý PNJ, kết quả: Tất cả đều có hàm lượng vàng là 0% (vàng giả).

Bản cáo trạng số: 26/CT-VKSQ5 ngày 20/01/2025 của Viện kiểm sát nhân dân Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố bị cáo Thạch Thị Ư về tội: “Trộm

cắp tài sản” theo điểm c Khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận E giữ quyền công tố luận tội và tranh luận giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Thạch Thị Ư về tội “Trộm cắp tài sản”. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c Khoản 2 Điều 173; điểm s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017), xử phạt bị cáo Thạch Thị Ư với mức án từ 03 (ba) năm đến 04 (bốn) năm tù.

Về vật chứng xử lý theo quy định pháp luật; về trách nhiệm dân sự buộc bị cáo bồi thường thiệt hại cho bị hại theo quy định pháp luật.

Bị cáo Thạch Thị Ư không có ý kiến bào chữa, không tranh luận, đồng ý bồi thường thiệt hại với số tiền bị hại đã yêu cầu và nói lời nói sau cùng xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an Quận 5, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Quận 5, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa công khai, bị cáo Thạch Thị Ư đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội, lời khai của bị cáo phù hợp lời khai của bị hại và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận, bị cáo Thạch Thị Ư có hành vi lén lút chiếm đoạt số tiền 4000 đô la Mỹ, tương đương 100.360.000 đồng của bà Vương Thị Tuyết A. Do đó, hành vi của bị cáo Thạch Thị Ư đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c Khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xét bị cáo là người có năng lực hành vi, đủ khả năng nhận thức được việc làm của mình, biết được hành vi trộm cắp tài sản là vi phạm pháp luật nhưng bị cáo vẫn cố ý thực hiện hành vi.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến tài sản hợp pháp của người khác được pháp luật bảo vệ; gây mất trật tự xã hội ở địa phương. Do đó, cần phải có một mức án tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội và nhân thân của bị cáo; nhằm mục đích giáo dục bị cáo, bên cạnh đó có tác dụng răn đe và phòng ngừa chung.

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu, nhân thân chưa có tiền án, tiền sự; bị cáo là người dân tộc Khơme. Do đó, cần xem xét cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[5] Về hình phạt áp dụng đối với bị cáo: Căn cứ Điều 50 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017). Hội đồng xét xử xét thấy cần phải buộc bị cáo chấp hành hình phạt tù một thời gian nhất định, để bị cáo có thể cải tạo thành người có ích cho xã hội.

[6] Về hình phạt bổ sung: Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo có hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên không xem xét áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

[7] Viện kiểm sát nhân dân Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh truy tố để xét xử và đề nghị mức hình phạt đối với bị cáo là có cơ sở pháp luật, đúng người, đúng tội, không oan sai.

[8] Đối với Mai Huỳnh Tuyết N là người đổi 600 đo la Mỹ cho bị cáo Ư, Như không biết số tiền trên là số tiền mà Ư trộm cắp mà có, số tiền đổi ngoại tệ chưa đến mức xử lý hình sự và xử lý vi phạm hành chính; đồng thời Như đã tự nguyện giao nộp số tiền 600 đô la Mỹ cho Cơ quan điều tra và không có yêu cầu bồi thường nên Cơ quan Cảnh sát điều tra không xem xét xử lý đối với bà Như là có căn cứ. Do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với bà Đô Thị Ngọc Y là chủ tiệm vàng Kim Y không thừa nhận đổi tiền và bán trang sức cho Ư. Ngoài lời khai của Ư thì không thu thập được chứng cứ nào khác nên Cơ quan Cảnh sát điều tra chưa đủ chứng cứ chứng minh có sự việc xảy ra để xử lý. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét

[9] Về xử lý vật chứng:

Cơ quan Cảnh sát điều tra đã thu hồi và trả lại cho bị hại Vương Thị Tuyết A gồm 29 (hai mươi chín) tờ tiền USD, mệnh giá 100 USD mỗi tờ, tương đương 2900 USD và tiền Ngân hàng nhà nước Việt Nam 20.071.000 đồng là đúng quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Xét 01 (một) lắc tay vàng (không thu hồi được), Cơ quan Cảnh sát điều tra không thu hồi được nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Xét 01 (một) đôi bông tai bằng kim loại màu vàng (qua giám định có hàm lượng vàng là 0%); 01 (một) sợi dây chuyền (qua giám định có hàm lượng vàng là 0%); 02 (hai) nhẫn kim loại tròn (qua giám định có hàm lượng vàng là 0%); 01 (một) căn cƯ công dân tên Thạch Thị Ư là những trang sức và giấy tờ cá nhân của bị cáo, không liên quan đến việc phạm tội nên Hội đồng xét xử trả lại cho bị cáo.

[10] Về trách nhiệm dân sự: Bà Vương Thị Tuyết A yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại với số tiền 7.258.000 đồng và tại phiên tòa bị cáo tự nguyện đồng ý bồi thường theo yêu cầu của bị hại với số tiền nêu trên. Xét đây là sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự, phù hợp với quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Bà Mai Huỳnh Tuyết N không có yêu cầu gì đối với bị cáo Thạch Thị Ư về số tiền 15.240.000 đồng đã đổi cho bị cáo Ư nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[11] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định Điều 136 Bộ luật tố tụng Hình sự 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm c Khoản 2 Điều 173; điểm s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50 của Bộ luật Hình sự 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Thạch Thị Ư 03 (ba) năm tù về tội: "Trộm cắp tài sản". Thời hạn tù tính từ ngày 08 tháng 8 năm 2024.

Căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 357; Khoản 1 Điều 589 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Buộc bị cáo Thạch Thị Ư bồi thường cho bị hại bà Vương Thị Tuyết A số tiền 7.258.000 đồng (bảy triệu hai trăm năm mươi tám nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và bị hại Vương Thị Tuyết A có đơn yêu cầu thi hành án mà bị cáo không thanh toán khoản tiền bồi thường thiệt hại nêu trên, thì hàng tháng bị cáo còn phải chịu thêm khoản tiền lãi chậm trả theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng trên số tiền mà bị cáo phải chịu bồi thường.

Căn cứ Khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Trả lại cho bị cáo Thạch Thị Ư: 01 (một) đôi bông tai bằng kim loại màu vàng (qua giám định có hàm lượng vàng là 0%); 01 (một) sợi dây chuyền (qua giám định có hàm lượng vàng là 0%); 02 (hai) nhẫn kim loại tròn (qua giám định có hàm lượng vàng là 0%); 01 (một) căn cƯ công dân tên Thạch Thị Ư.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 23/01/2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh).

Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng Hình sự 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Luật phí và lệ phí.

Bị cáo chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 362.900 đồng (ba trăm sáu mươi hai nghìn chín trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân Tp.HCM;
- Sở Tư pháp TpHCM;
- Viện kiểm sát nhân dân Tp.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 5;
- Cơ quan CSĐT Công an Quận 5;
- Bộ phận THAHS Tòa án Quận 5;
- Phòng PV 06 – Công an Tp.HCM;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận 5;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vu liên quan;
- Lưu Hồ sơ vụ án, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lâm Thanh Tiền